

Số: 08/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 01 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất,  
các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BẢY (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua danh mục và điều chỉnh danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

- 13 công trình, dự án thu hồi đất với diện tích 45,18 ha (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

- 08 công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa với diện tích 44,08 ha (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Thông qua điều chỉnh tên, diện tích đối với 06 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (*chi tiết tại Phụ lục III kèm theo*).

**Điều 3.** Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; căn cứ pháp lý của các dự án và tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chỉ thực hiện việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất khi đã đảm bảo đầy đủ thủ tục, quy trình và đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa vào sử dụng đất có hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai. Tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười bảy (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 01 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Hoàng Sơn**

## Phụ lục I

### Danh mục 13 công trình, dự án thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 01 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>Tổng</b>		<b>45,18</b>	<b>11,82</b>			<b>33,36</b>
<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>		<b>6,86</b>	<b>1,07</b>			<b>5,79</b>
1	Khu dân cư đường Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	1,00	0,52			0,48
2	Khu dân cư số 5 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	0,21	0,04			0,17
		Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	5,41	0,51			4,90
3	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng một số hạng mục phục vụ hoạt động của Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0,03				0,03
4	Chỉnh trang đô thị khu vực đường Bến Tượng, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0,19				0,19
5	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật ngõ 392, đường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	0,015				0,015
<b>II</b>	<b>Thành phố Phổ Yên</b>		<b>0,99</b>	<b>0,29</b>			<b>0,70</b>
1	Nhà văn hóa xóm Coong Lặng	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,29	0,29			
2	Sân vận động thể thao xã Phúc Thuận	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,70				0,70
<b>III</b>	<b>Huyện Phú Lương</b>		<b>0,23</b>	<b>0,19</b>			<b>0,04</b>
1	Trường Mầm non xã Phấn Mễ	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	0,23	0,19			0,04
<b>IV</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>		<b>25,62</b>	<b>0,50</b>			<b>25,12</b>
1	Khu dân cư nông thôn mới số 1 xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	25,62	0,50			25,12
<b>V</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>		<b>10,89</b>	<b>9,56</b>			<b>1,33</b>
1	Trạm biến áp 220KV Phú Bình 2	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	3,22	3,05			0,17
		Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	2,11	1,46			0,65
2	Đường dây 220KV Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	1,07	1,00			0,07
		Xã Nhã Lộng, huyện Phú Bình	1,50	1,38			0,12
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	1,60	1,42			0,18
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	1,39	1,25			0,14
<b>VI</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>		<b>0,59</b>	<b>0,21</b>			<b>0,39</b>
1	Trường Mầm non Tân Long - điểm Đồng Mây	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,423	0,205			0,218
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Nam Hòa	Xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ	0,17				0,17

## Phụ lục II

### Danh mục 08 công trình, dự án có chuyên mục đích sử dụng dưới 10 ha đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 18 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>Tổng</b>		<b>44,08</b>	<b>11,82</b>			<b>32,26</b>
<b>I</b>	<b>Thành phố Thái Nguyên</b>		<b>6,62</b>	<b>1,07</b>			<b>5,55</b>
1	Khu dân cư đường Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	1,00	0,52			0,48
2	Khu dân cư số 5 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	0,21	0,04			0,17
		Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	5,41	0,51			4,90
<b>II</b>	<b>Thành phố Phổ Yên</b>		<b>0,29</b>	<b>0,29</b>			
1	Nhà văn hóa xóm Coong Lặng	Xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên	0,29	0,29			
<b>III</b>	<b>Huyện Phú Lương</b>		<b>0,23</b>	<b>0,19</b>			<b>0,04</b>
1	Trường Mầm non xã Phấn Mễ	Xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương	0,23	0,19			0,04
<b>IV</b>	<b>Huyện Đại Từ</b>		<b>25,62</b>	<b>0,50</b>			<b>25,12</b>
1	Khu dân cư nông thôn mới số 1 xã Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	25,62	0,50			25,12
<b>V</b>	<b>Huyện Phú Bình</b>		<b>10,89</b>	<b>9,56</b>			<b>1,33</b>
1	Trạm biến áp 220KV Phú Bình 2	Xã Diêm Thụy, huyện Phú Bình	3,22	3,05			0,17
		Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	2,11	1,46			0,65
2	Đường dây 220KV Phú Bình 2	Xã Úc Kỳ, huyện Phú Bình	1,07	1,00			0,07
		Xã Nhã Lộ, huyện Phú Bình	1,50	1,38			0,12
		Xã Bảo Lý, huyện Phú Bình	1,60	1,42			0,18
		Xã Tân Kim, huyện Phú Bình	1,39	1,25			0,14
<b>VI</b>	<b>Huyện Đồng Hỷ</b>		<b>0,42</b>	<b>0,21</b>			<b>0,22</b>
1	Trường Mầm non Tân Long - điểm Đồng Mây	Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ	0,423	0,205			0,218

Phụ lục III

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 06 dự án trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Nghị quyết số 08 /NQ-HĐND ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

		Nghị Quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt				Nay điều chỉnh lại như sau									
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)					
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng				Đất khác	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
<b>A</b>	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020														
<b>I</b>	Huyện Đại Từ														
1	Khu dân cư nông thôn mới Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	30,07	0,41		29,66	1	Khu dân cư nông thôn mới Tân Thái	Xã Tân Thái, huyện Đại Từ	29,94	0,73			29,21	
<b>B</b>	Nghị Quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021														
<b>I</b>	Thành phố Thái Nguyên														
1	Dự án Khu đô thị mới, phố đi bộ Trung tâm thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	7,54		7,54	1	Dự án Khu đô thị mới, phố đi bộ Trung tâm thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	6,65					6,65	
						2	Xây dựng tuyến đường quy hoạch phía sau Trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0,41						0,41
						3	Chỉnh trang Khu dân cư tổ 9, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0,33						0,33
<b>II</b>	Huyện Võ Nhai														
1	Đường nội bộ và Khu dân cư số 2 thị trấn Đình Cả	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	0,65	0,64	0,01	1	Đường nội bộ và Khu dân cư số 2, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	9,85	8,55				1,30	

Nghị Quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Nay điều chỉnh lại như sau					
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm ( <i>xã, phường, thị trấn, huyện</i> )	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm ( <i>xã, phường, thị trấn, huyện</i> )	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất khác	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
<b>C</b>	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 31/3/2022														
<b>I</b>	Huyện Phú Bình														
1	Khu liên hợp xử lý môi trường Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	30,00	2,12		27,88	1	Khu liên hợp xử lý môi trường Phú Bình	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	30,00	1,28			28,72	
<b>D</b>	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 29/8/2022														
<b>I</b>	Thành phố Thái Nguyên														
1	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	43,74	33,78		9,96	1	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên (khu số 2)	Xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	40,25	32,21			8,04	
<b>E</b>	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 28/10/2022														
<b>I</b>	Thành phố Thái Nguyên														
1	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 1)	Xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	75,21	39,16		36,06	1	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 1)	Xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên	71,85	44,75			27,10	